



**AMCHAM**  
The American Chamber of Commerce in Hanoi



U.S. Chamber of Commerce

Ngày 23 tháng 2 năm 2023

**Kính gửi:**           **Ngài Nguyễn Đức Hải**  
                          **Phó Chủ tịch Quốc hội**  
                          **Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam**  
                          **Tòa nhà Quốc hội, số 2 Đường Độc Lập, Ba Đình, Hà Nội**

**V/v:**               **Góp ý Dự thảo Luật Viễn thông Sửa đổi**

Kính thưa Quý Ngài,

Thay mặt các thành viên của Hiệp hội Thương mại Hoa Kỳ tại Hà Nội (AmCham) và Phòng Thương mại Hoa Kỳ (U.S. Chamber), chúng tôi xin gửi lời chào nồng nhiệt nhất và xin được cảm ơn Quý Ông và Quốc hội Việt Nam vì những nỗ lực hoàn thiện khung pháp lý tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Nền kinh tế số, bao gồm lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, chiếm hơn 8% GDP của Việt Nam. Chúng tôi ủng hộ tầm nhìn của Quốc hội Việt Nam về tiềm năng tăng trưởng kinh tế số và đồng thời ủng hộ các nỗ lực để hiện thực hóa tầm nhìn đó.

Mặc dù chúng tôi hoan nghênh việc Quốc hội Việt Nam sửa đổi và hoàn thiện Luật Viễn thông để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành viễn thông, chúng tôi quan ngại rằng phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi đã được mở rộng đáng kể, bao gồm cả các dịch vụ không phải là dịch vụ viễn thông. Điều này sẽ tạo thêm gánh nặng pháp lý và có thể hạn chế sự phát triển của nền kinh tế số do các tác động tiêu cực ngoài ý muốn và không lường trước được.

Các dịch vụ như dịch vụ trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông (hay còn gọi là “dịch vụ viễn thông OTT”) khác với các dịch vụ viễn thông. Do đó, các dịch vụ này cần được xem xét riêng. Theo quan điểm của chúng tôi, việc quy định các dịch vụ này trong Luật Viễn thông sửa đổi chưa thực sự phù hợp và sẽ tạo thêm những gánh nặng hành chính không cần thiết và tăng chi phí đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, đặc biệt là những nhà cung cấp dịch vụ không có hiện diện thương mại tại Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị nên loại bỏ các dịch vụ viễn thông OTT, dịch vụ điện toán đám mây và dịch vụ trung tâm dữ liệu ra khỏi phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Luật Viễn thông. Việc này sẽ giúp Dự thảo Luật được phù hợp hơn với thông lệ quốc tế, duy trì môi trường pháp lý thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài, và tạo điều kiện phát triển cho các nhà cung cấp dịch vụ số.

Chúng tôi xin được đính kèm các ý kiến và khuyến nghị cụ thể của chúng tôi về các điều khoản của Dự thảo Luật Viễn thông để Quý Ông tham khảo. Chúng tôi mong rằng những khuyến nghị này hữu ích và sẽ góp phần giúp chính phủ đạt được mục tiêu phát triển nền kinh tế số năng động và cạnh tranh.

The American Chamber of Commerce in Hanoi  
5 Tu Hoa Street – 4<sup>th</sup> Floor, Hanoi, Vietnam

Tel: (84) 24 3934 2790    Web: [www.AmChamHanoi.com](http://www.AmChamHanoi.com)    Email: [info@amchamhanoi.com](mailto:info@amchamhanoi.com)

Chúng tôi trân trọng cảm ơn Quý Ông và các cơ quan liên quan đã xem xét các khuyến nghị này của chúng tôi. Chúng tôi luôn sẵn sàng được gặp mặt và làm việc với Quý Ông và các ủy ban của Quốc hội để trao đổi thêm về các góp ý của mình.

Trân trọng,



Adam Sitkoff  
Giám đốc điều hành  
Hiệp hội Thương mại Hoa Kỳ tại Hà Nội



John Goyer  
Giám đốc điều hành, Đông Nam Á  
Phòng Thương mại Hoa Kỳ

cc: H.E. Lê Quang Huy, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Quốc hội  
H.E Vũ Hải Hà, Ủy ban Đối ngoại, Quốc hội  
H.E Vũ Hồng Thanh, Ủy ban Kinh tế, Quốc hội  
H.E. Hoàng Thanh Tùng, Ủy ban Tư pháp, Quốc hội

## Các khuyến nghị của AmCham: Dự thảo Luật Viễn thông

### 1. NHẬN XÉT CHUNG

Để Luật Viễn thông có thể đi vào thực tiễn và thúc đẩy sự phát triển của ngành viễn thông nói riêng và nền kinh tế số nói chung, chúng tôi khuyến nghị một số nội dung chính như sau: **Dự thảo nên giới hạn phạm vi áp dụng chỉ đối với những cá nhân và tổ chức được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.** Việc mở rộng phạm vi áp dụng của luật này đối với các cá nhân hay tổ chức nước ngoài sẽ khiến việc thực hiện nhiều qui định trong luật khó khả thi. Để phù hợp với các thông lệ phổ biến nhất trên toàn cầu và duy trì một môi trường pháp lý thuận lợi nhằm thu hút các nhà cung cấp dịch vụ số, chúng tôi khuyến nghị giới hạn phạm vi áp dụng của Luật Viễn thông đối với các tổ chức được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo pháp luật Việt Nam.

- a) **Nên xem xét lại khái niệm và cách tiếp cận về quản lý dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông (“dịch vụ viễn thông OTT”).** Chúng tôi hiểu rằng Dự thảo đang hướng tới việc quản lý các loại hình dịch vụ thông tin, liên lạc qua Internet như dịch vụ tin nhắn, điện thoại, hội nghị, hội họp qua Internet. Tuy nhiên, các dịch vụ này không phải là những dịch vụ viễn thông. Tương tự như các dịch vụ ứng dụng viễn thông, các dịch vụ này là sự phát triển của các ứng dụng công nghệ thông tin giúp kết nối và hỗ trợ người dùng trao đổi thông tin. Mặc dù các dịch vụ viễn thông OTT đang cạnh tranh với các dịch vụ viễn thông truyền thống, việc định nghĩa các dịch vụ này là dịch vụ viễn thông và quản lý chúng như các dịch vụ viễn thông là không phù hợp và có thể gây ra những cản trở đối với sự phát triển của các ứng dụng kỹ thuật số. Vì vậy, chúng tôi đề nghị xem xét lại định nghĩa về dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông và không áp dụng các qui định điều chỉnh dịch vụ viễn thông đối với các dịch vụ này.
- b) **Nên loại bỏ các dịch vụ điện toán đám mây và dịch vụ trung tâm dữ liệu ra khỏi phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông.** Các dịch vụ điện toán đám mây và trung tâm dữ liệu hiện nay không được coi là dịch vụ viễn thông và được quản lý bởi khung pháp lý riêng tại nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Việc dự thảo Luật Viễn thông bổ sung các dịch vụ này vào đối tượng điều chỉnh và quản lý như dịch vụ viễn thông có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của các loại hình dịch vụ mới này. Việc áp dụng các nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ viễn thông đối với các loại hình dịch vụ này sẽ làm tăng chi phí của doanh nghiệp liên quan, ảnh hưởng đến những lợi ích mà dịch vụ đó có thể mang lại đối với nền kinh tế và tác động tiêu cực đến thu hút đầu tư nước ngoài vào việc phát triển các trung tâm dữ liệu hay cung cấp dịch vụ điện toán đám mây tại Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị loại bỏ dịch vụ điện toán đám mây và dịch vụ trung tâm dữ liệu ra khỏi phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông.
- c) **Các chính sách về quản lý, phát triển dịch vụ viễn thông qua vệ tinh cần được khuyến khích và theo xu thế phát triển chung của thế giới.** Trong bối cảnh đường truyền cáp quang biển thường xuyên gặp sự cố và việc sửa chữa, khôi phục tốn kém và mất thời gian thì việc phát triển thêm các hình thức kết nối Internet qua vệ tinh là một giải pháp phù hợp để đảm bảo giữ kết nối internet ổn định, giúp giảm bớt sự phụ thuộc vào các tuyến cáp quang biển, đồng thời đa dạng kết nối Internet quốc tế cho những nhóm người dùng khác nhau. Ngoài ra, kết nối Internet qua vệ tinh có thể được sử dụng để cung cấp kết nối Internet cho các địa điểm ở vùng xa và khó tiếp cận như vùng núi, hải đảo. Việc cung cấp dịch vụ internet qua vệ tinh đang là một xu thế được triển khai trên thế giới, giúp phủ sóng để cung cấp đường truyền băng rộng với tới tất cả mọi vùng trên toàn cầu. Các chính sách, quy định về việc cung cấp dịch vụ viễn thông qua vệ tinh (tại điều 22- cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới) cần được xây dựng theo hướng khuyến khích, thúc đẩy cạnh tranh, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài

tham gia cung cấp dịch vụ internet qua vệ tinh để tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước học hỏi và phát triển các hệ thống công nghệ mới này, trong khi người dùng Việt Nam sẽ có thêm dịch vụ mới và thị trường Việt Nam sẽ tăng tính cạnh tranh.

- d) **Giảm các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.** Dự thảo bổ sung các yêu cầu về đăng ký, cấp phép và các thủ tục hành chính không chỉ đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông mà cả các doanh nghiệp sử dụng đường truyền viễn thông để cung cấp các dịch vụ khác, làm tăng thêm gánh nặng hành chính và chi phí cho doanh nghiệp. Trong bối cảnh Chính phủ Việt Nam đang rất nỗ lực cải cách thủ tục hành chính, ngoài việc cắt giảm các thủ tục hành chính hiện có, các văn bản pháp luật mới ban hành cần được rà soát kỹ lưỡng để không tạo thêm những thủ tục hành chính mới hay chông chéo với các thủ tục hành chính khác nhằm đảm bảo hiệu quả của cải cách thủ tục hành chính và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp.

## 2. GÓP Ý VỀ CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ

STT	Điều	Nội dung góp ý/Quan ngại	Kiến nghị
1.	<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>7. <i>Dịch vụ viễn thông cơ bản là dịch vụ bao hàm hoạt động truyền dẫn thông tin cho người sử dụng dịch vụ viễn thông.</i></p> <p>8. <i>Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng là dịch vụ cung cấp các tính năng gia tăng bao gồm việc truy nhập, lưu giữ, xử lý thông tin qua mạng viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông.</i></p> <p>9. <i>Dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông là dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng cung cấp tính năng chính là gửi, truyền, nhận và xử lý</i></p>	<p>Các dịch vụ như trao đổi tin nhắn (messaging), điện thoại (telephone or voice over internet), họp trực tuyến (video conference), trao đổi trực tuyến (chat), ... qua Internet (sau đây gọi chung là dịch vụ OTT) về bản chất không phải là dịch vụ viễn thông mặc dù đang cạnh tranh trực tiếp với các dịch vụ viễn thông truyền thống. Cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Việc cung cấp các dịch vụ OTT phụ thuộc hoàn toàn vào việc kết nối với mạng Internet – là một dịch vụ viễn thông được cung cấp bởi các doanh nghiệp viễn thông. Chính vì sự phụ thuộc này vào dịch vụ viễn thông mà việc quản lý dịch vụ OTT như một dịch vụ viễn thông là không hợp lý và khả thi. Trên thực tế, sự phụ thuộc này mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp viễn thông vì thông qua đó, họ có thể thúc đẩy doanh thu bằng cách cung cấp các dịch vụ dữ liệu.</li> <li>Các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng các tài nguyên viễn thông như tần số (là tài nguyên hữu hạn) và kho số viễn thông để cung cấp dịch vụ và có các thỏa thuận theo hợp đồng cung cấp dịch vụ với người sử dụng để thu phí. Trong khi đó, dịch vụ OTT hoạt động trên nền tảng Internet mở và không hạn chế, phần lớn không thu phí.</li> </ul>	<p>Không có quốc gia nào trong khu vực áp dụng các tiêu chuẩn và điều chỉnh dịch vụ OTT giống như đối với dịch vụ viễn thông truyền thống.</p> <p>Vì vậy, đề nghị sửa lại định nghĩa về <i>dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông</i> để khẳng định đây không phải là dịch vụ viễn thông và không áp dụng các qui định quản lý dịch vụ viễn thông với các dịch vụ này hoặc bỏ các dịch vụ này ra khỏi Dự thảo Luật.</p>

<p><i>thông tin giữa hai hoặc một nhóm người sử dụng dịch vụ viễn thông thông qua Internet nhưng không kết nối đến các thuê bao viễn thông được ấn định kho số viễn thông</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dịch vụ OTT dựa trên các ứng dụng CNTT nên thị trường cho dịch vụ OTT có tính cạnh tranh cao hơn nhiều so với thị trường viễn thông truyền thống. Người dùng dịch vụ OTT có thể tự do sử dụng đồng thời nhiều ứng dụng hoặc tự do thay đổi nhà cung cấp dịch vụ mà không phải cần sự đồng ý của nhà cung cấp dịch vụ và không mất bất kỳ chi phí nào. Trong khi đó, các dịch vụ viễn thông được cung cấp dưới dạng thuê bao với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông có thu phí và có các nghĩa vụ ràng buộc.</li> <li>• Mặc dù các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ OTT không trực tiếp tham gia đầu tư vào hạ tầng viễn thông, nhưng họ giúp cho các dịch vụ viễn thông phát triển bởi các ứng dụng của họ khuyến khích và tạo điều kiện cho người dùng sử dụng dịch vụ viễn thông Internet nhiều hơn để kết nối và nâng cao chất lượng cuộc sống. Trên thực tế, theo Sách Trắng CNTT-TT (2021) của Bộ TTTT được công bố, tất cả các doanh nghiệp viễn thông lớn của Việt Nam đã chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể về số lượng thuê bao băng thông rộng di động và mặt đất kể từ năm 2016. Doanh thu do các dịch vụ này cũng tăng lên đáng kể. Dự kiến đà tăng trưởng này vẫn sẽ tiếp tục trong các năm tới bởi các doanh nghiệp viễn thông vẫn có thể tận dụng và thương mại hóa đầy đủ các công nghệ thuộc thế hệ tiếp theo như mạng 5G, dịch vụ đám mây, kết nối M2M và IoT. Do đó, bất kỳ sự sụt giảm nào về doanh thu từ các dịch vụ truyền thống đều được bù đắp nhiều hơn nhờ doanh thu từ các dịch vụ dữ liệu hiện tại và trong tương lai.</li> <li>• Một số nhà cung cấp dịch vụ OTT đã đầu tư đáng kể vào cơ sở hạ tầng mạng “quốc tế”, chẳng hạn như cáp ngầm và cơ sở hạ tầng đám mây. Điều này đã góp phần đáng kể vào khả năng kết nối toàn cầu của Việt Nam và không nên bị xem nhẹ khi cân nhắc mức độ đóng góp của các nhà cung cấp dịch vụ OTT cho hạ tầng số của Việt Nam. Trong Chỉ thị 01/CT-BTTTT được ban hành ngày 18 tháng 01 năm 2022, Bộ TTTT đã công nhận sự kỳ vọng của việc chuyển dời sự phát triển từ cơ sở hạ tầng viễn thông truyền thống sang cơ sở hạ tầng số. Những kỳ</li> </ul>	
---	---	--

		<p>vọng tương tự đã được Bộ TTTT ghi nhận trong Sách Trắng CNTT-TT (2021) là nhu cầu cần thiết cho sự chuyển đổi số của Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tình trạng doanh thu của các dịch vụ nhắn tin và thoại truyền thống bị sụt giảm không chỉ diễn ra ở thị trường Việt Nam. Sự sụt giảm này phản ánh xu hướng toàn cầu trong nền kinh tế đang ngày càng được số hóa. Do đó, việc định hướng các văn bản quy phạm pháp luật dựa trên sự thay đổi về doanh thu của các doanh nghiệp viễn thông là không phù hợp.</li> </ul>	
2.	<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p><i>Khoản 30 và 31 qui định khái niệm trung tâm dữ liệu và dịch vụ trung tâm dữ liệu.</i></p> <p><i>Khoản 32 và 33 qui định khái niệm điện toán đám mây và dịch vụ điện toán đám mây</i></p>	<p>Các dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây không phải là dịch vụ viễn thông nên không nên được điều chỉnh bởi luật này.</p>	<p>Chúng tôi đề xuất bỏ các khoản 30,31, 32, và 33.</p>
3.	<p><b>Điều 6. Bảo đảm bí mật thông tin</b></p> <p><i>4. Doanh nghiệp viễn thông không được tiết lộ các thông tin cá nhân có thể xác định danh tính cụ thể của người sử dụng dịch vụ viễn thông (bao gồm nhưng không giới hạn ở các thông tin như: tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi, địa chỉ IP và thông tin riêng khác mà người sử dụng</i></p>	<p>Theo Điểm c Khoản 4 Điều 6, doanh nghiệp viễn thông phải cung cấp cho cơ quan nhà nước danh tính cụ thể của người sử dụng dịch vụ viễn thông (bao gồm nhưng không giới hạn ở các thông tin như: tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi, địa chỉ IP và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp).</p> <p>Trong trường hợp các dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông (dịch vụ OTT) được định nghĩa là dịch vụ viễn thông, thì điều khoản này đặt ra yêu cầu không khả thi đối với các dịch vụ OTT, vì khác với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông truyền thống, các nhà cung cấp dịch vụ OTT không có những thông tin nêu trên.</p>	<p>Chúng tôi kiến nghị xem xét bỏ điều khoản này hoặc qui định lại khái niệm về dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông để đảm bảo để các doanh nghiệp cung cấp những dịch vụ này được loại trừ.</p>

	<p>đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp), trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>c) Khi có yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật.</p>	Cũng cần xem xét đến khả năng vi phạm các tiêu chuẩn quốc tế đã được công nhận về quyền riêng tư, bảo mật và can thiệp hợp pháp.	
4.	<p><b>Điều 21. Cung cấp dịch vụ viễn thông.</b></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Điều 44 luật này, tổ chức cung cấp dịch vụ viễn thông phải có Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hoặc thực hiện đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông với Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định của luật này.</p>	<p>Điều 21, khoản 1 quy định các tổ chức cung cấp dịch vụ viễn thông phải có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông. Khái niệm “tổ chức cung cấp dịch vụ viễn thông” chưa được quy định trong Dự thảo, nên không rõ khái niệm này bao gồm những đối tượng nào và khác gì với khái niệm doanh nghiệp viễn thông được quy định tại điều 3, khoản 25 của Dự thảo. Ngoài ra việc phân loại dịch vụ viễn thông thành dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng cũng không thống nhất với sự phân loại tại điều 3, khoản 23.</p>	<p>Để phù hợp với định nghĩa về “doanh nghiệp viễn thông” theo Khoản 25 Điều 3 của Dự thảo LVT, tiêu đề của Điều 21 nên được sửa đổi như sau:</p> <p>"Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông là doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam và phải có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 44 của Luật này".</p>
5.	<p><b>Điều 22. Cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử</b></p>	<p>Trong tương lai sẽ còn có nhiều loại công nghệ và dịch vụ viễn thông qua biên giới được phát triển, đem lại nhiều lựa chọn cho người dùng để đáp ứng tối đa nhu cầu kết nối và liên lạc. Mục đích quản lý của cơ quan quản lý nhà nước đối với các dịch vụ xuyên biên giới là đảm bảo an ninh, quốc phòng, an toàn mạng lưới, an ninh thông tin, bảo vệ dữ</p>	<p>Đề xuất điều chỉnh khoản 2 điều 22 như sau:</p>

<p><b>dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam</b></p> <p>2. Việc cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này) phải thông qua thỏa thuận thương mại với doanh nghiệp viễn thông Việt Nam.</p>	<p>liệu cá nhân, quyền lợi của người sử dụng đều đã được đưa vào trong các Luật và nghị định riêng như Luật an ninh mạng, Luật an toàn thông tin mạng, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân...</p> <p>Yêu cầu tại khoản 2 điều 22 nhằm mục đích quản lý về khía cạnh thương mại của việc cung cấp dịch vụ nên đưa thêm lựa chọn như yêu cầu đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam. Yêu cầu này sẽ vẫn đảm bảo khả năng quản lý của các cơ quan nhà nước đối với việc cung cấp dịch vụ thương mại tại Việt Nam.</p>	<p><i>“2. Việc cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này) phải thông qua thỏa thuận thương mại với doanh nghiệp viễn thông Việt Nam <b>hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam</b>”.</i></p>
<p>6.</p> <p><b>Điều 22. Cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam</b></p> <p>3. Việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn, an ninh quốc phòng, <u>các mục tiêu chính sách công cộng chính đáng</u>. Doanh nghiệp viễn thông Việt Nam tham gia cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam phải có phương án kỹ thuật cần thiết để bảo đảm an ninh thông tin và thực hiện ngăn</p>	<p>Khái niệm "<i>các mục tiêu chính sách công cộng chính đáng</i>" chưa được qui định tại Luật này và các văn bản khác có liên quan, vì vậy không rõ các chính sách công cộng chính đáng bao gồm những nội dung gì và các yêu cầu mà nhà cung cấp dịch vụ cần tuân thủ tương ứng là gì.</p> <p>Mặc dù có thể tìm thấy các mục tiêu này trong các hiệp định quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nhưng việc áp dụng các mục tiêu này phải được phân biệt. Trong các hiệp định, các mục tiêu này được sử dụng để phục vụ cho một số quyền nhất định của nhà nước trong khi tại Dự thảo, các mục tiêu này có thể được sử dụng để áp đặt các hạn chế, cấm đoán đối với các nhà cung cấp dịch vụ. Điều quan trọng là các yêu cầu phải được quy định đủ rõ ràng để bảo đảm chúng có thể được tuân thủ một cách khả thi.</p> <p>Vì vậy, thay vì áp dụng "<i>các mục tiêu chính sách công cộng chính đáng</i>" chưa được định nghĩa, Bộ TTTT nên quy định các vấn đề cụ thể cần tuân thủ. Trong bối cảnh cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới, chúng tôi tin rằng điều này thường chỉ giới hạn trong phạm vi bảo vệ người tiêu dùng.</p>	<p>Đề xuất sửa khoản 3 điều 22 như sau:</p> <p><i>“Việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn, an ninh quốc phòng, <u>bảo vệ người tiêu dùng</u>. Doanh nghiệp viễn thông Việt Nam tham gia cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng... “</i></p>



	<p><i>chặn khẩn cấp, ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</i></p>		
7.	<p><b>Điều 22. Cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam</b></p> <p><i>4. Tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông theo hình thức không thu cước qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam phải thông báo với Bộ Thông tin và Truyền thông về người đại diện, thông tin liên hệ (số điện thoại, thư điện tử) và các nội dung khác. Trường hợp đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật này thì phải cung cấp dịch vụ thông qua thỏa thuận thương mại với doanh nghiệp viễn thông Việt Nam hoặc đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Khoản 4 Điều 22 yêu cầu thông báo với Bộ TTTT đang tạo thêm thủ tục hành chính không cần thiết</b> đã được qui định tại Thông tư 38/2016/TT-BTTTT về việc cung cấp thông tin công cộng qua biên giới và Nghị định 70/2021/NĐ-CP về các nhà cung cấp quảng cáo qua biên giới.          Vì vậy, về cơ bản Khoản 4 Điều 22 được đề xuất sẽ yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ phải gửi nhiều thông báo có thông tin giống nhau cho Bộ TTTT. Đây là một gánh nặng bổ sung, không cần thiết và không rõ về mục đích.</li> <li>- <b>Yêu cầu phải có thỏa thuận thương mại không nên áp dụng cho các dịch vụ OTT.</b>  <b>Lý do:</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Không có cơ sở pháp lý nào cho thỏa thuận thương mại:</b> Việc cung cấp dịch vụ OTT không yêu cầu sử dụng thiết bị và tài nguyên tần số của Việt Nam. Người sử dụng dịch vụ OTT trên các thiết bị đầu cuối đã có hợp đồng thuê bao hoặc thỏa thuận dịch vụ viễn thông với các doanh nghiệp viễn thông. Vì vậy, việc áp đặt thêm một thỏa thuận thương mại nữa giữa nhà cung cấp dịch vụ OTT và doanh nghiệp viễn thông là không hợp lý. Trên thực tế, không có cơ sở pháp lý hoặc chính sách nào đã được ban hành để áp dụng yêu cầu này đối với dịch vụ OTT.</li> <li>2. <b>Các quan ngại về cạnh tranh:</b> Quy định này sẽ mâu thuẫn với chính sách của Nhà nước về việc tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh trong lĩnh vực viễn thông, và sẽ tạo ra một sân chơi không công bằng với lợi thế nghiêng về các doanh nghiệp viễn thông, vì các nhà cung cấp dịch vụ OTT phải phụ thuộc hoàn toàn vào các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông để cung cấp dịch vụ của họ. Sự chênh lệch đáng kể về số lượng các doanh nghiệp viễn thông của Việt Nam và số lượng nhà cung cấp dịch vụ OTT sẽ làm sâu sắc hơn mối quan ngại này.</li> </ol> </li> </ul>	<p>Đề xuất bỏ khoản 4 điều 22.          Đề xuất loại trừ các yêu cầu về thỏa thuận thương mại đối với việc cung cấp dịch vụ qua biên giới cho “<i>dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông</i>”.</p>

		<p><b>3. Điều này sẽ hạn chế sự phát triển của các dịch vụ OTT tại Việt Nam:</b> Quy định tạo nên rào cản tiếp cận thị trường đối với các doanh nghiệp nước ngoài. Hiện nay số lượng nhà cung cấp dịch vụ OTT nước ngoài đang cung cấp dịch vụ tại Việt Nam cao hơn nhiều so với số lượng doanh nghiệp viễn thông Việt Nam. Vì vậy, việc thực hiện thỏa thuận cho từng loại và từng nhà cung cấp dịch vụ OTT nước ngoài là không khả thi, đặc biệt là trường hợp các nhà cung cấp nước ngoài không hợp tác dần tới khả năng chấm dứt dịch vụ. Hệ quả là người dùng tại Việt Nam sẽ không thể tiếp tục sử dụng các dịch vụ OTT mà họ đang sử dụng hiện nay:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước mắt, điều này sẽ có tác động kinh tế - xã hội xấu đối với người dùng vốn phụ thuộc nhiều vào các dịch vụ này.</li> <li>- Các công ty trong ngành CNTT-TT sẽ bị thiệt hại. Đặc biệt, các doanh nghiệp viễn thông của Việt Nam cũng sẽ bị tổn thất nặng nề do doanh thu từ dịch vụ dữ liệu giảm đi. Điều này sẽ khiến các doanh nghiệp viễn thông khó thực hiện được mục tiêu không ngừng đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông của Bộ TTTT.</li> <li>- Quy định này sẽ cản trở những nỗ lực chuyển đổi số của Việt Nam, dần đến làm giảm lợi thế cạnh tranh của quốc gia trên quy mô toàn cầu. Việt Nam sẽ được xem là một nước có khuôn khổ pháp lý khác biệt hoàn toàn vì không có quốc gia nào khác trong khu vực áp đặt các quy định này đối với các nhà cung cấp dịch vụ OTT.</li> </ul>	
8.	<p><b>Điều 29. Dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông</b></p> <p><i>1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông có số lượng người sử dụng dịch vụ hoặc phát sinh lưu lượng dịch vụ tại thị trường Việt Nam vượt mức ngưỡng theo quy định</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1 Điều 29 không đề cập rõ ràng về mức ngưỡng theo quy định của Chính phủ và các yêu cầu liên quan.</li> <li>- Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông không thể đảm bảo sự hoạt động ổn định của dịch vụ vì, như đã đề cập ở trên, việc cung cấp các dịch vụ này phụ thuộc vào khả năng truy cập Internet do các doanh nghiệp viễn thông cung cấp. Các nhà cung cấp dịch vụ OTT không thể chịu trách nhiệm về việc duy trì tính liên tục của dịch vụ cho đến khi nào sự phụ thuộc này còn tồn tại vì trong nhiều trường hợp các yếu tố ảnh hưởng đến tính liên tục và việc khắc phục</li> </ul>	<p>- Dự thảo cần quy định rõ mức ngưỡng liên quan đến số lượng người đăng ký dịch vụ và lưu lượng, đồng thời xác định cụ thể các yêu cầu sẽ áp dụng cho các nhà cung cấp đạt các ngưỡng này.</p>

	<p><i>của Chính phủ phải có biện pháp bảo đảm sự hoạt động ổn định của dịch vụ và thực hiện biện pháp quản lý khác do Chính phủ quy định để bảo vệ quyền lợi của người sử dụng và thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường.</i></p>	<p>các vấn đề nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà cung cấp dịch vụ OTT. Đồng thời, các nhà cung cấp dịch vụ này cũng không kiểm soát được việc người tiêu dùng chọn mạng nào. Do đó, các nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến không thể bảo đảm sự hoạt động ổn định của dịch vụ hoặc khắc phục các vấn đề liên quan đến chất lượng dịch vụ được cung cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện nay, Bộ Quy Tắc Truyền Thông Điện Tử Châu Âu (EECC) không yêu cầu các dịch vụ OTT phải bảo đảm chất lượng dịch vụ (QoS) hoặc tuân thủ các yêu cầu QoS. EECC công nhận rằng các dịch vụ không phụ thuộc vào đầu số thường không kiểm soát mạng mà qua đó dịch vụ được cung cấp. Vì vậy, việc yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ OTT phải tuân thủ các quy định QoS là không hợp lý và không khả thi trên thực tế.</li> <li>- Cần làm rõ hơn về nội dung dự kiến của "<i>biện pháp quản lý</i>" để đưa ra nội dung góp ý, tuy nhiên có thể thấy rằng việc áp đặt "<i>biện pháp quản lý</i>" là không cần thiết: Như đã đề cập ở trên, có sự khác biệt rõ ràng giữa dịch vụ OTT và dịch vụ viễn thông và các dịch vụ này không nên được quản lý theo cùng một cách thức. Sẽ không cần phải lập thêm một bộ "<i>biện pháp quản lý</i>" trong thời gian sắp tới, khi đã có những luật cụ thể để điều chỉnh các dịch vụ OTT. Ngoài Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng và Luật Cạnh tranh, còn có các nghĩa vụ pháp lý theo ngành tùy theo loại dịch vụ được cung cấp.</li> </ul>	<p>- Đề nghị bỏ quy định yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông phải có biện pháp bảo đảm sự hoạt động ổn định của dịch vụ.</p>
9.	<p><b>Điều 29. Dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông</b></p> <p><i>2. Trường hợp cần thực hiện truy cập vào các thông tin, dữ liệu hoặc các tính năng trên thiết bị đầu cuối của người sử dụng để phục vụ việc cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng</i></p>	<p>- <b>Nghĩa vụ bổ sung về truy cập dữ liệu là không cần thiết:</b> Các nghĩa vụ liên quan đến việc bảo vệ dữ liệu cá nhân đã được quy định trong Luật An toàn Thông tin mạng, Luật Công nghệ Thông tin, Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng, Luật Dân sự. Việc bổ sung thêm Khoản 2 Điều 29 như hiện nay là không cần thiết và không thống nhất với các quy định hiện hành bởi yêu cầu này áp dụng đối với tất cả dữ liệu trong đó có dữ liệu cá nhân. Trên thực tế, không có cơ sở pháp lý để áp dụng cơ chế quản lý dữ liệu khác như dữ liệu cá nhân. Dữ liệu cá nhân chỉ là một tập hợp nhỏ trong "<i>thông tin, dữ liệu hoặc tính năng trên thiết bị đầu cuối của người sử dụng</i>" và vì vậy, quy định này không nhằm mục đích bảo vệ dữ liệu cá nhân.</p>	<p>Khoản 2 Điều 29 cần được loại bỏ.</p> <p>Để phù hợp với các quy định về dữ liệu cá nhân và tránh tạo thêm nghĩa vụ không cần thiết nhà cung cấp dịch vụ cần tuân thủ, Khoản 2 Điều 29 có thể được bổ sung thêm</p>

	<p><i>Internet trong viễn thông có trách nhiệm thông báo cho người sử dụng về sự cần thiết và phải được người sử dụng đồng ý trước khi thực hiện truy cập.</i></p>	<p><b>Chỉ dựa vào sự đồng ý như là cơ sở truy cập là lỗi thời và không thực tế:</b> Việc công nhận việc chỉ dựa vào sự đồng ý của người dùng để các nhà cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân đã không còn phù hợp và khả thi, vì những lý do sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc các nhà cung cấp dịch vụ phải có được sự đồng ý của từng người dùng trong từng trường hợp cụ thể là không thể thực hiện được – đặc biệt nếu Khoản 2 Điều 29 được áp dụng cho cả dữ liệu không phải là dữ liệu cá nhân.</li> <li>- Trên thực tế, để có được sự đồng ý của người dùng, nhà cung cấp dịch vụ, trong nhiều trường hợp, cần phải truy cập vào một số thông tin nhất định mà không phải là thông tin cá nhân của người dùng (ví dụ như dữ liệu kỹ thuật). Khoản 2 Điều 29 có thể dẫn đến tình huống mà nhà cung cấp dịch vụ không bao giờ có thể thu thập được sự đồng ý của người dùng.</li> </ul> <p>Quy định này ngăn cản các nhà cung cấp dịch vụ thực hiện các hoạt động xử lý dữ liệu chính đáng và cần thiết để cung cấp dịch vụ. Hệ quả là các nhà cung cấp dịch vụ không thể tiếp tục cung cấp nhiều dịch vụ mà người dùng Việt Nam hiện đang sử dụng.</p>	<p>nội dung sau: "Để bảo đảm bảo vệ dữ liệu cá nhân của người dùng theo pháp luật hiện hành về bảo vệ dữ liệu cá nhân". Tuy nhiên trong trường hợp này các quy định cần nhất quán để tránh sự chồng chéo và mâu thuẫn.</p>
10.	<p><b>Điều 29. Dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông</b></p> <p>3. Tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ trên lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, quy định tại điểm b, điểm d khoản 2 Điều 13 và quy định tại điều 22 luật này.</p>	<p>Các yêu cầu quy định trong điều khoản này là không hợp lý và khó khả thi vì những lý do sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các tổ chức cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ trên lãnh thổ Việt Nam thường là các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới, vì vậy họ không có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp, ngoại trừ trường hợp họ thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam.</li> <li>- Hiện nay chưa có tiêu chuẩn về chất lượng đối với khá nhiều dịch vụ OTT, đồng thời cũng không có quy định các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp các dịch vụ OTT phải đăng ký hoặc công bố về tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ. Ngoài ra, như đã nêu ở phần trên, chất lượng của các dịch vụ OTT phụ thuộc nhiều vào chất lượng của các dịch vụ viễn thông và đường truyền viễn thông. Vì vậy, các nhà</li> </ul>	<p>Đề xuất loại bỏ yêu cầu tại khoản 3a điều 29.</p>

	<p><b>Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp viễn thông</b></p> <p>2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại Luật doanh nghiệp, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng còn có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố; bảo đảm tính đúng, đủ, chính xác giá cước theo hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông;</p> <p>d) Báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông về hoạt động của doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của nội dung và số liệu báo cáo.</p>	<p>cung cấp dịch vụ OTT không thể chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ của họ ở một mức độ nhất định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần làm rõ lý do yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải cung cấp các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất là gì và nội dung của báo cáo gồm những gì. Đối với các doanh nghiệp có hoạt động trên toàn cầu, yêu cầu báo cáo định kỳ về hoạt động của họ là không hợp lý và không cần thiết.</li> <li>-</li> </ul>	
11.	<p><b>Điều 30. Cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây</b></p> <p>1. Ngoài các nghĩa vụ liên quan quy định tại Điều 13 Luật này, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện</p>	<p>Các quy định về an toàn thông tin đã có trong các văn bản pháp luật khác như Luật An toàn Thông tin mạng, Luật Công nghệ thông tin, Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng, Bộ luật Dân sự và, đặc biệt là nghị định đề xuất về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc bổ sung thêm điểm a) Khoản 1 Điều 30 là trùng lặp không cần thiết.</p>	<p>Đề nghị bỏ quy định này.</p>

	<p>toán đám mây còn có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan về lưu trữ thông tin, bảo vệ thông tin cá nhân, thông tin riêng của tổ chức, cá nhân.</p>		
12.	<p><b>Điều 30. Cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây</b></p> <p>1. Ngoài các nghĩa vụ liên quan quy định tại Điều 13 Luật này, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây còn có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>d) Phải bảo đảm an toàn thông tin mạng và bảo vệ quyền lợi của người sử dụng dịch vụ.</p>	<p>Việc bảo đảm an toàn thông tin mạng và bảo vệ quyền lợi của người sử dụng dịch vụ đã được quy định tại các văn bản liên quan như Luật an ninh mạng, Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, và các văn bản hướng dẫn liên quan. Vì vậy việc quy định nghĩa vụ này trong Dự thảo là không cần thiết.</p>	<p>Kiến nghị bỏ nghĩa vụ này cho nhà cung cấp dịch vụ</p>
13.	<p><b>Điều 30. Cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây</b></p> <p>1. Ngoài các nghĩa vụ liên quan quy định tại Điều 13 Luật này, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ dịch</p>	<p>Thông thường, nhà cung cấp dịch vụ đám mây không truy cập và kiểm soát nội dung của người dùng, quyền kiểm soát nội dung thuộc về người dùng. Sẽ không thực tế khi yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ đám mây và trung tâm dữ liệu phải xem xét từng dữ liệu của khách hàng để đảm bảo về quyền sở hữu trí tuệ và bản quyền. Với tư cách là bên trung gian lưu trữ hoặc truyền tải nội dung, nhà cung cấp dịch vụ sẽ không thể trực tiếp xử lý nội dung đó – chưa nói đến việc điều tra hoặc đưa ra đánh giá xem nội dung đó có bất</p>	<p>Kiến nghị bỏ nghĩa vụ này cho nhà cung cấp dịch vụ và quản lý theo trách nhiệm của người dùng.</p>

	<p>vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây còn có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>đ) Phải xử lý nội dung thông tin xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu trí tuệ hoặc nội dung thông tin vi phạm quy định pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>hợp pháp hay không. Bên duy nhất có thể xử lý các vấn đề như vậy là bên đã tạo ra nội dung ngay từ đầu.</p>	
14.	<p><b>Điều 31. Chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây</b></p> <p>1. Nhà nước có chính sách ưu tiên, khuyến khích đầu tư, phát triển các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường.</p>		<p>Đề xuất tham chiếu các tiêu chuẩn quốc tế.</p>
15.	<p><b>Điều 35. Giấy phép viễn thông</b></p> <p>3. Giấy phép nghiệp vụ viễn thông bao gồm:</p> <p>b) Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (VTDR), có thời hạn không quá 10 năm được cấp</p>	<p><b>Không rõ về lý do yêu cầu cấp phép cho Mạng viễn thông dùng riêng:</b> Thông thường những cơ sở để ban hành qui định về cấp phép viễn thông không áp dụng cho các Mạng VTDR, vì một số lý do như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không sinh lợi. Việc vận hành Mạng VTDR sẽ không cấu thành bất kỳ hình thức “kinh doanh” nào trong phạm vi ý nghĩa của Khoản 21 Điều 4 Luật Doanh</li> </ul>	<p>Điểm b Khoản 3 Điều 35 và Khoản 2 Điều 41, quy định về cấp phép Mạng VTDR, cần được loại bỏ.</p> <p>Cần bổ sung thêm Khoản 4 vào Điều 44 (về miễn giấy</p>

<p>cho tổ chức thiết lập mạng dùng riêng;</p> <p><b>Điều 41. Điều kiện cấp giấy phép nghiệp vụ viễn thông</b></p> <p>2. Tổ chức được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Cam kết thiết lập mạng viễn thông dùng riêng chỉ để cung cấp dịch vụ cho các thành viên của mạng, không vì mục đích kinh doanh dịch vụ viễn thông;</p> <p>b) Có phương án kỹ thuật, nghiệp vụ phù hợp với quy hoạch phát triển viễn thông, các quy định về tài nguyên viễn thông, kết nối, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông;</p> <p>c) Có biện pháp bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin.</p>	<p>nghiệp hoặc “đầu tư kinh doanh” trong phạm vi ý nghĩa của ý nghĩa của Khoản 8 Điều 3 Luật Đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có mối quan ngại về cạnh tranh nào có thể phát sinh, vì Mạng VTDR không được dự kiến sử dụng cho mục đích tạo thu nhập. Việc tiếp cận và sử dụng Mạng VTDR bị hạn chế trong một nhóm thành viên giới hạn.</li> <li>- Bất kỳ vấn đề nào liên quan đến “chất lượng dịch vụ” sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ ai trừ những người trong nhóm thành viên Mạng VTDR giới hạn. Nhà điều hành sẽ chịu trách nhiệm về khung chất lượng mạng của chính mình.</li> <li>- Bất kỳ vấn đề bảo mật nào phát sinh đều bị giới hạn trong nhóm thành viên. Trong bất kỳ trường hợp nào, các nhà điều hành Mạng VTDR sẽ luôn bị ràng buộc bởi các quy định trong Luật An ninh mạng và Luật An toàn Thông tin mạng, vì vậy Bộ TTTT có sẵn các biện pháp bảo vệ về phương diện này.</li> <li>- Không có yêu cầu nào về việc bảo đảm bảo vệ người tiêu dùng, vì không có người dùng nào khác được truy cập Mạng VTDR.</li> <li>- Trong hầu hết các trường hợp, các công ty thường vận hành các Mạng VTDR một cách độc lập mà không kết nối vào mạng công cộng. Tuy nhiên, ngay cả khi cần có kết nối như vậy, Khoản 1 Điều 48 của Dự thảo LVT cũng cung cấp các biện pháp bảo vệ rộng rãi. Trường hợp liên quan đến kết nối mạng dùng riêng, điều này có thể được giải quyết bằng cách quy định các hạn chế đối với việc triển khai các dịch vụ mạng công cộng.</li> </ul> <p><b>Việc cấp phép Mạng VTDR sẽ làm giảm quá trình chuyển đổi số:</b> Áp dụng chế độ cấp phép đối với các Mạng VTDR sẽ giảm tiến trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp và ngăn cản các công ty triển khai các giải pháp cho phép họ mở rộng sản phẩm của mình trên thị trường hoặc đạt được hiệu quả hoạt động. Đã có nhiều biến đổi trong bối cảnh công nghệ toàn cầu kể từ năm 2009 khi Luật VT hiện nay được ban hành. Trong 14 năm qua, các Mạng VTDR đã chuyển mình từ thiết kế được sử dụng hạn chế của các doanh nghiệp công nghệ cao thành một giải pháp cơ bản đã được triển khai</p>	<p>phép viễn thông): "Thiết lập các mạng viễn thông dùng riêng".</p> <p>Trong phạm vi cần có thêm quy định về việc triển khai các Mạng VTDR (mà theo thông lệ quốc tế, nên ở mức tối thiểu), Khoản 5 Điều 20 sẽ đặt nền tảng cho việc này.</p>
--	--	--



		<p>trong nhiều ngành (sản xuất, hậu cần, vận tải, y tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp, công nghệ thông tin, v.v.) để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.</p> <p>Do phạm vi của các Mạng VTDR cũng khác nhau đáng kể nên không còn thích hợp để áp dụng cùng một bộ nghĩa vụ cấp phép. Làm như vậy sẽ tạo ra những rào cản lớn cho ngay cả những mạng được thu hẹp cho một khu vực nhỏ.</p> <p>Trong nhiều trường hợp, các lý do cho việc quản lý Mạng VTDR bắt nguồn từ mối quan ngại rằng các đối tượng sẽ sử dụng chúng để truyền tải hoặc gây phương hại cho các dịch vụ mạng công cộng. Tuy nhiên, chế độ cấp phép toàn bộ sẽ là một phương pháp nặng nề để giải quyết vấn đề này. Thay vào đó, cơ quan quản lý không nên tập trung vào việc giám sát các mạng VTDR, mà nên đưa ra các quy định pháp lý để cấm các loại hình hoạt động mà công ty có thể thực hiện bằng các Mạng VTDR, ví dụ như hạn chế gây tổn hại cho các dịch vụ mạng công cộng hoặc cung cấp các dịch vụ mạng công cộng khi chưa được cấp phép.</p> <p>Điều này sẽ tạo ra sự cân bằng tối ưu, khiến cho cơ cấu quản lý của Việt Nam đối với các Mạng VTDR phù hợp với thông lệ quản lý quốc tế. Trên toàn cầu, nhiều lãnh thổ tài phán đã thay đổi cách tiếp cận và áp dụng phương pháp nhẹ nhàng để điều chỉnh các Mạng VTDR. Theo hệ thống này, nên có giả định rằng các nhà điều hành Mạng VTDR sẽ hành động trên tinh thần thiện chí và theo đó, Bộ TTTT sẽ chỉ can thiệp khi có hành vi vi phạm các hạn chế pháp luật đối với việc sử dụng Mạng VTDR.</p>	
16.	<p><b>Điều 48. Kết nối mạng viễn thông dùng riêng</b></p> <p><b>3.</b> Các mạng viễn thông dùng riêng không được kết nối trực tiếp với nhau, trừ trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông.</p>	<p>1. <b>Yêu cầu phải phê duyệt việc kết nối các mạng VTDR là một cách tiếp cận quản lý nặng nề:</b> Như đã đề cập ở mục trên, không nên tập trung vào việc giám sát các mạng VTDR, mà nên đưa ra các quy định pháp lý để cấm các loại hình hoạt động mà công ty có thể thực hiện bằng các Mạng VTDR – ví dụ: cấm cung cấp các dịch vụ mạng công cộng hoặc gây hại cho các dịch vụ mạng công cộng. Miễn là các công ty không sử dụng các viễn thông dùng riêng như một phương tiện gián tiếp để thực hiện các hoạt động mạng công cộng không được cấp phép, thì không có lý do rõ ràng nào để áp đặt yêu cầu phải phê duyệt kết nối giữa các mạng VTDR.</p>	Đề xuất bỏ Khoản 3 Điều 48.

		<p>2. <b>Việt Nam đã có các cam kết về việc dỡ bỏ các yêu cầu phê duyệt đối với kết nối Mạng VTDR:</b> Việc sửa đổi LVT là cơ hội để Việt Nam sửa yêu cầu phê duyệt kết nối Mạng VTDR vẫn đang có trong LVT hiện tại, phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong các hiệp định quốc tế. Chú thích 4 của Điều 13.4.2(c) trong Hiệp định CPTPP quy định như sau:</p> <p><i>"Ở Việt Nam, các mạng được phép thiết lập với mục đích thực hiện, trên cơ sở phi thương mại, việc liên lạc thoại và truyền dữ liệu giữa các thành viên của một nhóm người sử dụng đóng chỉ có thể kết nối trực tiếp với nhau nếu được chấp nhận bằng văn bản của cơ quan quản lý viễn thông. Việt Nam đảm bảo rằng khi có yêu cầu, người nộp đơn xin phép sẽ nhận được lý do giải thích về việc từ chối cấp phép đó. <u>Việt Nam sẽ xem xét lại yêu cầu phải có sự chấp nhận bằng văn bản trong thời hạn hai năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực đối với Việt Nam.</u>"</i></p> <p>Tính đến thời điểm này, Hiệp định CPTPP có hiệu lực đối với Việt Nam được 4 năm và cần phải xem xét lại yêu cầu này trong LVT hiện tại.</p>	
--	--	--	--